

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 19/9/2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khanh.  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Ngọc Khánh và ông Y Dhiệu Hmok.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Quốc T, sinh năm 1985 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

*Bị đơn:* Ông Mai Tiến T, sinh năm 1974 – Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Quốc T trình bày có nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại ủy ban nhân dân phường BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/8/2007. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau bất đồng quan điểm do ông T hay không lo làm ăn, nói lời xúc phạm bà. Bà và ông T đã sống ly thân 7 năm. Nay bà nhận thấy nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Mai Thúy H, sinh ngày 08/9/2003 và cháu Mai Bảo H, sinh ngày 14/5/2005 sau khi

ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cháu Mai Bảo H cho bà nuôi đến khi đủ tuổi thành niên, cháu Mai Thúy H đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Mai Tiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến*

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Quốc T về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 25/01/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 09/02/2022 Tòa án thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên, ngày 16/3/2022 nguyên đơn nộp văn bản từ chối lựa chọn thủ tục hòa giải tại Tòa án, ngày 28/3/2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 04/4/2022 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Lâm Thị Quốc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Mai Tiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại ủy ban nhân dân phường BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/8/2007. Sau khi kết hôn, bà T và ông T sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, hiện nay bà T và ông T đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T và ông T thì địa phương xác định: Bà T và ông T có mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, nhưng bà T và ông T đã sống ly thân.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho bà T ly hôn ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông T có 02 con chung là cháu Mai Thúy H, sinh ngày 08/9/2003 và cháu Mai Bảo H, sinh ngày 14/5/2005; bà T yêu cầu được nuôi cháu Mai Bảo H đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng bà T là chính đáng, bản thân cháu Mai Bảo H cũng có nguyên vọng ở với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cháu Mai Bảo H cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Mai Thúy H đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình*

*Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Quốc T được ly hôn với ông Mai Tiến T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Mai Bảo H, sinh ngày 14/5/2005 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Cháu Mai Thúy H, sinh ngày 08/9/2003 đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết  
Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về tài sản: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007299 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Bùi Văn Khanh**